

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 23/3/2018.

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Ngô Thành Long.

2/. Ông Nguyễn Văn Lạc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: chị Cao Thị B, sinh năm 1982 (có mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: nhà số ..., ấp MH, xã LB, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ tạm trú: nhà chưa số, ấp MH, xã LB, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

2- Bị đơn: anh Lê Văn C, sinh năm 1983 (vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: nhà chưa số, ấp MH, xã LB, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 26/9/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Cao Thị B trình bày:

Chị và anh Lê Văn C có tổ chức đám cưới vào ngày 19/12/2000 âm lịch nhưng đến ngày 29/7/2008 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã LB, huyện Ngã Năm (nay là thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết

hôn. Quá trình chung sống, chị và anh C có hai con chung tên Lê Tri P, sinh ngày 12/10/2001 và Lê Hoài P, sinh ngày 27/02/2006, hiện nay cả hai đang sống chung với anh C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên vào khoảng tháng 9/2013 thì chị và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh, chị không hợp nhau về tính cách, bất đồng quan điểm sống, hiện nay chị đã không còn tình cảm với anh C, do mâu thuẫn giữa chị và anh C đã kéo dài nhiều năm, cuộc sống không hạnh phúc. Chị và anh C đã ly thân với nhau kể từ tháng 10/2014 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn C;
- Về con chung: chị đồng ý theo yêu cầu của anh C là giao con chung: tên Lê Tri P, sinh ngày 12/10/2001 và Lê Hoài P, sinh ngày 27/02/2006, cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: tôi đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi cháu 1.000.000đ/tháng.
- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải lập cùng ngày 22/02/2018 của Tòa án, bị đơn anh Lê Văn C trình bày:

Anh thống nhất với lời trình của chị Cao Thị B về quan hệ hôn nhân, con chung. Về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là vì chị B có tình cảm với người đàn ông khác bên ngoài nên đã bỏ anh và con ra đi kể từ tháng 10/2014 cho đến nay. Nay chị B yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì anh còn thương vợ con, không muốn gia đình tan rã. Trường hợp Tòa án có giải quyết cho anh và chị B ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi con chung tên Lê Tri P, sinh ngày 12/10/2001 và Lê Hoài P, sinh ngày 27/02/2006, anh không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con, vì anh có đủ khả năng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị B: giải quyết chị B được ly hôn với anh C; về con chung Lê Tri P, sinh ngày 12/10/2001 và Lê Hoài P, sinh ngày 27/02/2006 giao cho anh C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi. ghi nhận sự tự nguyện của chị B đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: các bên không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa:

Bị đơn anh Lê Văn C đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên tòa nhưng anh C vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn C.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Cao Thị B và anh Lê Văn C tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 19/12/2000 âm lịch, đến ngày 29/7/2008 anh, chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LB, huyện Ngã Năm (nay là thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn, do vậy hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống vợ chồng anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân không có hạnh phúc. Anh C cho rằng vì chị B không chung thủy có mối quan hệ tình cảm khác bên ngoài nên dẫn đến chị B đã ly thân với anh kể từ tháng 10/2014 cho đến nay. Tòa án đã tiến hành động viên, hòa giải các bên khắc phục mâu thuẫn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng chị B vẫn cương quyết giữ nguyên quyết định xin ly hôn, vì hiện nay chị đã không còn tình cảm với anh C nên hai người không thể chung sống lại với nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy: vì mâu thuẫn giữa chị B và Chiến không khắc phục được nên mối quan hệ hôn nhân giữa hai người đã không còn duy trì kể từ năm 2014 và đến nay thì tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh C đã không còn, mối quan hệ hôn nhân của anh, chị chỉ tồn tại về mặt hình thức, thực tế không mang lại hạnh phúc gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị Cao Thị B, được ly hôn với anh Lê Văn C để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3]. Về quan hệ nuôi con chung:

Trong quá trình sống chung, chị Cao Thị B và anh Lê Văn C có hai con chung tên Lê Tri P, sinh ngày 12/10/2001 và Lê Hoài P, sinh ngày 27/02/2006, hiện nay đang chung sống với anh C kể từ khi anh, chị ly thân cho đến nay. Anh C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành, tại phiên tòa chị B đồng ý với yêu cầu nêu trên của ông Chiến. Qua xem xét nguyện vọng của cháu Tri P và cháu Hoài P (tại biên bản lấy lời khai của Tòa án lập ngày 22/02/2018) thì các cháu đều có nguyện vọng được sống chung với cha là anh C. Xét thấy để đảm bảo cuộc sống của hai cháu được ổn định không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử quyết định giao hai cháu cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 (mười tám) tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho chị B không ai được quyền ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: tại phiên tòa, chị Cao Thị B tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Tri P và cháu Hoài P, mỗi cháu là 1.000.000đồng/tháng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về phân chia tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Cao Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Cao Thị B được ly hôn với anh Lê Văn C.

2. Về con chung: giao cháu Lê Tri P, sinh ngày 12/10/2001 và cháu Lê Hoài P, sinh ngày 27/02/2006 cho anh Lê Văn C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tròn 18 (*mười tám*) tuổi. Chị Cao Thị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Tri P và Hoài P, mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng (*một triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 23/3/2018. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Cao Thị B, không ai được quyền ngăn cản chị thực hiện hợp pháp quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: chị Cao Thị B và anh Lê Văn C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Cao Thị B phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình và 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng, tổng cộng 600.000đ (*sáu trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0008038 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, chị B phải nộp thêm 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh ST;
- UBND xã LB, thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Quang Nhuận